

Bản án số:183/2021/DS-ST

Ngày: 30-9-2021.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trương Nguơn.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Hiếu L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đỗ Thị S, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Phạm Thị Thu V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt; bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Đỗ Hiếu L và Đỗ Thị S, chị Đỗ Thị Thu N trình bày:**

Năm 2015 và 2016, bà V có mượn tiền mua con giống và mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông L, bà S. Đến ngày 04/8/2018, bà V ký xác nhận nợ lại ông L và bà S 161.238.000 đồng. Bà V có trả được cho ông L, bà S 35.000.000 đồng; còn nợ lại 136.238.000 đồng. Ông L, bà S nhiều lần yêu cầu bà V trả tiền, nhưng bà V không trả. Nên ông L và bà S khởi kiện yêu cầu bà

V trả cho ông L và bà S số tiền vốn 136.238.000 đồng và lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 04/8/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo biên bản hòa giải ngày 24/6/2021 và tại phiên tòa, chị N (đại diện của ông L, bà S) yêu cầu bà V trả cho ông L và bà S số tiền 166.238.000 đồng (trong đó vốn 136.238.000 đồng và lãi 30.000.000 đồng), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Thị Thu V vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai và bản hòa giải ngày 24/6/2021, bà V trình bày:**

Bà V thống nhất còn ông L và bà S số tiền 136.238.000 đồng; đồng thời thống nhất trả cho ông L và bà S số tiền lãi 30.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 166.238.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2021, bà V đồng ý trả cho ông L và bà S 166.238.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà S. Buộc bà V trả cho ông L và bà S số tiền 166.238.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản”, nên áp dụng giải quyết theo các điều 430, 440 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy bị đơn bà Phạm Thị Thu V đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên tòa hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật; nhưng bà V vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét ông L và bà S yêu cầu bà V trả số tiền 136.238.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ, theo biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 24/6/2021, bà V thừa nhận còn nợ ông L và bà S số tiền 136.238.000 đồng. Ông L, bà S nhiều lần yêu cầu bà V trả số tiền, nhưng bà V không trả. Nay ông L, bà S yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả lại số tiền nêu trên là có cơ sở; nên chấp nhận.

- Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện, ông L và bà S yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 04/8/2018 cho đến ngày xử sơ thẩm (tức số tiền lãi là 136.238.000 đồng x 0,83%/tháng x 37 tháng 26 ngày = 42.818.667 đồng). Do bà V chậm trả tiền, nên ông L, bà S yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2021, chị N (đại diện của ông L, bà S) với bà V thỏa

thuận, thống nhất số tiền lãi bà V phải trả cho ông L, bà S là 30.000.000 đồng; tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu bà V trả số tiền lãi 30.000.000 đồng là có lợi cho bà V và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận.

- Về thời gian trả tiền: chị N (đại diện của ông L, bà S) yêu cầu bà V trả tiền vốn và lãi là 166.238.000 đồng (trong đó vốn 136.238.000 đồng và lãi 30.000.000 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật; tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2021 bà V đồng ý trả 166.238.000 đồng, nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu trả dần tiền của bà V nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi của ông L, bà S; chị N (đại diện của ông L, bà S) không đồng ý; nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà S. Buộc bà V có nghĩa vụ trả cho ông L và bà S số tiền 166.238.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 430, 440 và khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S.

- Buộc bà Phạm Thị Thu V có nghĩa vụ trả ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S số tiền 166.238.000 đồng (*Một trăm S mươi S triệu hai trăm ba mươi tám ngàn đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Bà V phải chịu 8.312.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông L và bà S được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không phải hoàn tiền lại.

Ông L, bà S, chị N (đại diện ủy quyền của ông L, bà S), được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu